TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 11 năm 2019
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn.**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Mạnh Cường** và ông **Phùng Văn Thị**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn thị Hoài Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh ba, tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc Bằng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 154/TB-TA ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Anh **Vi Văn B -** Sinh năm 1980
Địa chỉ: Khu 1, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ
Bị đơn: Chị **Hỏa Thị Đ -** Sinh năm 1979
Địa chỉ: Khu 1, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ
Hiện đang ở tại: Thôn 3, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
Anh B có mặt, chị Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Anh Vi Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với chị Hỏa Thị Đ, giải quyết về con chung sau ly hôn. Cụ thể, theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Vi Văn B trình bày như sau:

Anh và chị Hỏa Thị Đ tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã khải Xuân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn ngày 26/11/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng với bố mẹ anh tại xã K, huyện T được một thời gian ngắn thì ở riêng.

Vợ chồng chung sống cho đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh đi làm xa, chị Đ ở nhà đã xảy ra mâu thuẫn với gia đình anh, ngoài ra vợ chồng cũng có nhứng bất đồng trong quan điểm sống do vậy đã nhiều lần xảy ra va chạm cãi chửi nhau, cuộc sống chung không hòa thuận. Do mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng nên vợ chồng đã sống ly từ năm 2010, sau này chị Đ đã đưa các con về quê ngoại ở xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ở. Nay anh xác định vợ chồng không thể quay về chung sống cùng nhau được nữa, tình cảm vợ chồng không còn vì vậy anh yêu cầu được ly hôn với chị Hỏa Thị Đ.

- Về con chung: Anh và chị Hỏa Thị Đ có 02 con chung là Vi Văn L, sinh ngày 09/9/2006 và Vi Thị Thùy L, sinh ngày 23/7/2009, hiện cả hai con chung đang ở với chị Đ tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Vi Văn L còn chị Đ sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Vi Thị Thùy L, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh với chị Đ không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là chị Hỏa Thị Đ vắng mặt nhưng đã có đơn trình bày quan điểm như sau: Chị xác nhận việc có kết hôn với anh Vi Văn B, chị và anh B đã sống ly thân và hiện chị đang ở tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nếu anh B muốn ly hôn thì phải bồi thường cho chị nhân phẩm và tài sản trong thời gian chung sống số tiền là 500.000.000đ.

- Về con chung: Chị xác nhận chị và anh B có 02 con chung hiện đang ở với chị. Chị yêu cầu anh B mỗi tháng phải cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền là 6.000.000.đ. Ngoài ra không có đề nghị nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là chị Hỏa Thị Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hòa giải được và quyết định xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vi Văn B và chị Hỏa Thị Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều bất đồng mâu thuẫn không tự giải quyết được dẫn đến phải sống ly thân từ nhiều năm nay. Trong suốt nhiều năm sống ly thân cả hai đều không có hành động nào thể hiện mong muốn hàn gắn mâu thuẫn để quay về chung sống. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Thực tế vợ chồng anh B, chị Đ đã không còn sống chung, không còn nghĩa vụ quan tâm chăm sóc nhau, hôn nhân đã lâm vào

tình trạng trầm trọng, nếu cứ ràng buộc thì hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy xét yêu cầu ly hôn của anh Vi Văn B là chính đáng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Vi Văn B và chị Hỏa Thị Đ có 02 con chung và đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của hai bên là hoàn toàn chính đáng, xuất phát từ tình cảm và trách nhiệm của người cha, người mẹ đối với con của mình. Tuy nhiên, căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay thấy rằng: Các con chung đều đang ở với chị Đ và đang theo học tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa được thời gian dài, cả hai con chung đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Do vậy, để cho các con chung có được cuộc sống ổn định, tiếp tục học tập, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con chung nên vào thời điểm hiện tại cần giao cho chị Đ tiếp tục là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do vậy việc chị Đ yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, về mức cấp dưỡng mà chị Đ yêu cầu so với mức thu nhập thực tế của anh B là cao, không phù hợp với hoàn cảnh hiện tại của anh B (anh B hiện đang có thu nhập là 5.000.000đ/tháng). Vì vậy vào thời điểm hiện tại chỉ buộc anh B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng, (hai con chung là 2.000.000đ/tháng). Còn sau này, tùy thuộc vào hoàn cảnh thực tế và thu nhập của mỗi bên mà các bên có quyền đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[4]. Tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Về phía anh B xác định không có nên không yêu cầu. Còn phía chị Đ yêu cầu anh B phải bồi thường nhân phẩm và tài sản số tiền là 500.000.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đ không có mặt cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc chị bị xâm phạm về nhân phẩm, bị thiệt hại về tài sản hoặc vợ chồng có tài sản chung nên trong vụ án này Hội đồng xét xử chưa có cơ sở để xem xét giải quyết mà sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Anh Vi Văn B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm, xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Vi Văn B; giao cả hai con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 2.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử: Cho anh Vi Văn B được ly hôn chị Hỏa Thị Đ.

- Về con chung: Giao cho chị Hỏa Thị Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Vi Văn L, sinh ngày 09/9/2006 và Vi Thị Thùy L, sinh ngày 23/7/2009 (hiện nay hai con chung đều đang ở với chị Đ tại xã Nga T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa);

Buộc anh Anh Vi Văn B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hỏa Thị Đ cho mỗi con chung là **1.000.000**.đ/tháng. Cả hai con chung là **2.000.000**.đ/tháng (hai triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không giải quyết.

- Về án phí: Anh Vi Văn B phải nộp 300.000.đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000.đ tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, tổng là **600.000**.đ (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí. Xác nhận anh Vi Văn B đã nộp 300.000.đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo *"Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án"* số AA/2016/0001796 ngày 28/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Tr□ờng hợp bản án đ□ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã K;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hồng Tuấn